

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 2733/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Hướng dẫn thí điểm thực hiện Sổ sức khỏe điện tử
phục vụ tích hợp trên ứng dụng VNeID**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ việc chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06/CP);

Căn cứ Quyết định số 3074/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định nhóm thông tin cơ bản về y tế thuộc cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm;

Căn cứ Quyết định số 4750/QĐ-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1332/QĐ-BYT ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp trên ứng dụng VNeID;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thí điểm thực hiện Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp trên ứng dụng VNeID (sau đây gọi là Sổ sức khỏe điện tử VNeID) (Phụ lục 01).

Điều 2. Hướng dẫn này sử dụng cho tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh công lập và tư nhân được cấp giấy phép hoạt động theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh và sử dụng cho tất cả loại hình khám bệnh ngoại trú, điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, điều trị ban ngày, kê đơn lĩnh thuốc theo hẹn, khám chữa bệnh từ xa.

Điều 3. Lộ trình thực hiện

Thực hiện theo lộ trình triển khai Quyết định số 4750/QĐ-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tại tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh có thực hiện khám, chữa bệnh BHYT.

Điều 4. Tổ chức thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID

1. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Y tế:

a) Cục Quản lý Khám, chữa bệnh: cập nhật các nội dung liên quan đến chuyên môn khám, chữa bệnh trong Sổ sức khỏe điện tử VNeID thay thế sổ giấy. Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử VNeID.

b) Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo: xây dựng quy chế phối hợp giữa Bộ Y tế, Bộ Công an, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có lồng ghép nội dung thực hiện Sổ sức khỏe điện tử VNeID. Phối hợp với các đơn vị liên quan đơn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Sổ sức khỏe điện tử VNeID, tổng hợp kết quả báo cáo Lãnh đạo Bộ và Tổ Công tác triển khai Đề án 06/CP.

c) Vụ Bảo hiểm y tế: chủ trì việc xây dựng chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan, làm cơ sở để xây dựng dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các Sở Y tế tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu theo chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra khám, chữa bệnh BHYT. Triển khai tích hợp Giấy chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh BHYT điện tử và Giấy hẹn khám lại điện tử trên ứng dụng VNeID.

d) Trung tâm thông tin Y tế Quốc gia: phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn kỹ thuật triển khai Sổ sức khỏe điện tử VNeID.

2. Phối hợp của Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam:

a) Đảm bảo hạ tầng và hỗ trợ kỹ thuật liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lên Cổng tiếp nhận dữ liệu Giám định BHYT.

b) Chia sẻ dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID để hiển thị lên ứng dụng VNeID trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được dữ liệu.

c) Hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID.

d) Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì,

07/15
LƯ

liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID.

3. Phối hợp của Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) - Bộ Công an:

a) Hướng dẫn, hỗ trợ người dân cài đặt ứng dụng VNeID, kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức 2, tích hợp thẻ BHYT vào VNeID.

b) Đảm bảo hạ tầng và hỗ trợ kỹ thuật liên thông dữ liệu hiển thị trên ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử VNeID, bảo đảm người dân và cơ sở y tế tra cứu thông tin dễ dàng.

c) Cập nhật, bổ sung tính năng cho ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử VNeID để đáp ứng yêu cầu lưu trữ, hiển thị và tìm kiếm thông tin, cảnh báo.

d) Chia sẻ dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID cho các địa phương để làm giàu dữ liệu Hồ sơ sức khỏe cá nhân phục vụ công tác quản lý, theo dõi, chăm sóc sức khỏe người dân trên địa bàn các tỉnh, thành phố.

4. Trách nhiệm của Sở Y tế:

a) Căn cứ vào thực tế tại địa phương, Sở Y tế xây dựng kế hoạch triển khai Sổ sức khỏe điện tử VNeID của địa phương, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt (hoặc phê duyệt theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) và tổ chức triển khai Sổ sức khỏe điện tử VNeID tại địa phương, theo đúng tiến độ được giao.

b) Cấp mã cơ sở khám, chữa bệnh cho các cơ sở chưa có mã. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc triển khai liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID theo quy định.

c) Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn triển khai liên thông dữ liệu lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT.

d) Kiểm tra, giám sát triển khai việc liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID, báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện và kết quả đánh giá về Bộ Y tế 6 tháng một lần.

5. Trách nhiệm của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

a) Lập kế hoạch triển khai Quyết định này, phân công cán bộ chuyên môn xây dựng quy trình triển khai ghi nhận thông tin, phân công cán bộ công nghệ thông tin xây dựng quy trình liên thông dữ liệu kịp thời. Đôn đốc, kiểm tra giám sát chất lượng dữ liệu.

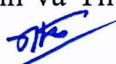
b) Thực hiện tiếp nhận khám, chữa bệnh bằng một trong các số định danh sau: Thẻ Căn cước, Số định danh cá nhân, Số thẻ BHYT cho tất cả đối tượng người bệnh.

c) Bảo đảm việc ghi nhận, ký số và liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID, tiếp nhận khám bệnh, chữa bệnh bằng Sổ sức khỏe điện tử VNeID.

d) Đào tạo tập huấn cho bác sĩ và nhân viên y tế bảo đảm ghi chép hồ sơ bệnh án theo đúng quy định, thực hiện tóm tắt hồ sơ bệnh án, tóm tắt quá trình điều trị để cung cấp thông tin cho Sổ sức khỏe điện tử VNeID.

đ) Bảo đảm liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT sau khi người bệnh kết thúc đợt khám bệnh, chữa bệnh.

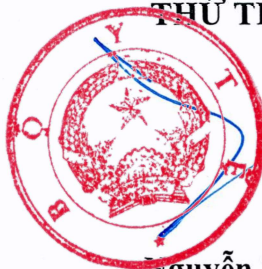
Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Các Ông/Bà: Chánh Văn phòng Bộ Y tế, Vụ trưởng, Cục trưởng các Vụ, Cục trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng Y tế Bộ, ngành và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Tổ công tác Đề án 06/CP;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đ/c Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an, Tư pháp, BHXH Việt Nam;
- UBND các tỉnh/TP;
- Các bệnh viện trực thuộc BHYT và trường ĐH;
- Lưu: VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG 



Nguyễn Tri Thức 

BỘ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**PHỤ LỤC 01: HƯỚNG DẪN THÍ ĐIỂM**
THỰC HIỆN SỔ SỨC KHOẺ ĐIỆN TỬ VNeID

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2733/QĐ-BYT ngày 17 tháng 9 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

Điều 1. Dữ liệu liên thông Sổ sức khỏe điện tử VNeID

1. Dữ liệu liên thông Sổ sức khỏe điện tử VNeID thực hiện theo Quyết định số 1332/QĐ-BYT ngày 21/05/2024 (Quyết định 1332/QĐ-BYT) của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp trên ứng dụng VNeID (Phụ lục 02).

2. Dữ liệu liên thông Sổ sức khỏe điện tử VNeID được thực hiện theo Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 (Quyết định 130/QĐ-BYT) và Quyết định số 4750/QĐ-BYT ngày 29/12/2023 (Quyết định 4750/QĐ-BYT) của Bộ Y tế về chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan.

3. Sử dụng Cổng tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế (sau đây gọi là Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT) của Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam để liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Người bệnh không có thẻ BHYT sử dụng số Thẻ Căn cước hoặc Số định danh cá nhân trên thẻ cứng hoặc trên ứng dụng VNeID làm số định danh người bệnh để liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID.

Điều 3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh sử dụng mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo Quyết định 384/QĐ-BYT ngày 01/02/2019 của Bộ Y tế quy định nguyên tắc cấp mã cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh làm số định danh cơ sở khám chữa bệnh để liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID.

Điều 4. Chuẩn bị liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID

1. Máy tính có kết nối Internet.

2. Phần mềm quản lý thông tin khám, chữa bệnh có thể ghi nhận được các thông tin của Sổ sức khỏe điện tử VNeID, đồng thời được cấu hình để liên thông dữ liệu theo chuẩn và định dạng dữ liệu ban hành kèm theo Quyết định 130/QĐ-BYT và Quyết định 4750/QĐ-BYT của Bộ Y tế.

3. Chữ ký số, chứng thư số của cơ sở khám, chữa bệnh để ký số xác thực dữ

01/10
W

liệu trước khi liên thông lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT.

4. Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng tại cơ sở và bảo đảm bảo mật thông tin khi kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu.

5. Có quy chế sử dụng và quy trình triển khai Sổ sức khoẻ điện tử VNeID tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phê duyệt.

Điều 5. Quy trình liên thông dữ liệu Sổ sức khoẻ điện tử VNeID

Dữ liệu Sổ sức khoẻ điện tử VNeID được tích hợp từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về BHYT, là một phần của dữ liệu thanh quyết toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT, nên sử dụng quy trình liên thông dữ liệu khám, chữa bệnh BHYT lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT để liên thông dữ liệu Sổ sức khoẻ điện tử VNeID, bao gồm các bước sau:

1. *Bước 1. Đăng ký mã liên thông dữ liệu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:* các cơ sở chưa có mã liên thông dữ liệu trên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT liên hệ với cơ quan quản lý chuyên môn y tế để được cấp.

2. *Bước 2: Đăng ký tài khoản liên thông Sổ sức khoẻ điện tử VNeID:* cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chưa có tài khoản liên thông dữ liệu lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT thì thực hiện đăng ký tài khoản liên thông theo hướng dẫn của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

3. *Bước 3: Cấu hình liên thông dữ liệu:* cấu hình liên thông dữ liệu Sổ sức khoẻ điện tử VNeID theo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 130/QĐ-BYT và Quyết định số 4750/QĐ-BYT của Bộ Y tế.

4. *Bước 4. Tiếp nhận đăng ký khám chữa bệnh sử dụng Sổ thẻ BHYT, Sổ Thẻ Căn cước, Sổ định danh cá nhân:* cơ sở khám, chữa bệnh tiếp nhận người bệnh đăng ký khám chữa bệnh sử dụng Sổ thẻ BHYT, Sổ Thẻ Căn cước, Sổ định danh cá nhân, trên thẻ nhựa hoặc trên VNeID.

5. *Bước 5. Ghi nhận thông tin khám chữa bệnh:* bác sĩ, nhân viên y tế ghi nhận thông tin và số hoá dữ liệu sức khoẻ của người bệnh trên phần mềm quản lý khám chữa bệnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu ban hành kèm Quyết định 1332/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành Sổ sức khoẻ điện tử phục vụ tích hợp trên ứng dụng VNeID.

6. *Bước 6. Ký số dữ liệu và liên thông dữ liệu:* cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ký số dữ liệu và liên thông dữ liệu thanh toán khám chữa bệnh BHYT về Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT sau khi người bệnh kết thúc đợt khám chữa bệnh.

7. *Bước 7. Chia sẻ dữ liệu hiển thị trên VNeID:* Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam trích xuất dữ liệu Sổ sức khoẻ điện tử VNeID theo Quyết định 1332/QĐ-BYT để hiển thị trên ứng dụng VNeID trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được dữ liệu.

Handwritten signatures and initials:



Điều 6. Sử dụng Sổ sức khỏe điện tử VNeID khi đi khám chữa bệnh

1. *Bước 1. Đăng ký và tạo tài khoản, xác thực:* người dân cần cài đặt ứng dụng VNeID và đã xác thực định danh mức độ 2, tích hợp thông tin thẻ BHYT (nếu có). Đăng nhập ứng dụng VNeID và truy cập vào ứng dụng “Sổ sức khỏe điện tử”, đọc điều khoản và nhấn “Đồng ý sử dụng ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử VNeID”. Bổ sung đầy đủ các thông tin cá nhân như tên, ngày sinh, địa chỉ, số điện thoại, và thông tin y tế cơ bản khác.

2. *Bước 2. Người dân sử dụng Sổ sức khỏe điện tử VNeID khi đi khám, chữa bệnh:* người dân khi đi khám chữa bệnh nếu có Sổ sức khỏe điện tử VNeID đề nghị xuất trình Sổ sức khỏe VNeID thay cho sổ giấy.

3. *Bước 3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp nhận thông tin trong Sổ sức khỏe điện tử VNeID khi khám, chữa bệnh:* bác sĩ, nhân viên y tế sử dụng thông tin có trong Sổ sức khỏe VNeID của người bệnh để khai thác thông tin hành chính, ra quyết định hỗ trợ chẩn đoán, điều trị.

Chú ý: các thông tin trên VNeID có giá trị như trên bản giấy: thông tin cá nhân; số định danh công dân; thông tin thẻ BHYT; lịch sử khám, chữa bệnh; phiếu hẹn khám lại; giấy chuyển tuyến trên ứng dụng VNeID có giá trị như trên bản giấy.

4. *Bước 4. Ghi nhận và liên thông kết quả khám, chữa bệnh:* các thông tin tóm tắt quá trình khám, chữa bệnh được bác sĩ và nhân viên y tế ghi nhận trên hệ thống phần mềm của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, và liên thông lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT sau khi kết thúc để tiếp tục hiển thị trên Sổ sức khỏe điện tử VNeID phục vụ các lần khám bệnh, chữa bệnh tiếp theo.

5. *Bước 5. Đăng xuất ứng dụng:* đăng xuất khỏi tài khoản VNeID trước khi thay đổi thiết bị để bảo vệ thông tin cá nhân và thông tin sức khỏe.

Điều 7. Bảo mật thông tin cá nhân trên Sổ sức khỏe điện tử VNeID

1. Thông tin sức khỏe cá nhân trên Sổ sức khỏe điện tử VNeID có chế độ bảo mật như những thông tin khác trên VNeID.

2. Bác sĩ điều trị, nhân viên y tế trong quá trình khám, chữa bệnh cho người bệnh được truy cập và sử dụng thông tin trên sổ sức khỏe điện tử VNeID của người bệnh.

3. Người giám hộ, người nuôi dưỡng chính, người đại diện hợp pháp được quản lý Sổ sức khỏe điện tử VNeID của người phụ thuộc trong trường hợp người phụ thuộc không tự quản lý được Sổ sức khỏe điện tử VNeID của mình: trẻ em, người già, người khuyết tật, người đang trong tình trạng quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 15 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

4. Bộ Y tế là “Bên kiểm soát” đối với dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử VNeID,

việc chia sẻ dữ liệu sức khỏe trên Sổ sức khỏe điện tử VNeID phải được sự đồng ý của Bộ Y tế.

Điều 8. Báo cáo tình hình triển khai Sổ sức khỏe điện tử VNeID

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng 1 lần trên trang báo cáo trực tuyến của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế (cdc.kcb.vn), gồm các nội dung sau:

1. Tình hình thực hiện khám bệnh, chữa bệnh và liên thông dữ liệu:

TT	Loại hình khám bệnh, chữa bệnh	Sử dụng thẻ BHYT		Không sử dụng BHYT	
		Số lượt	Đã liên thông	Số lượt	Đã liên thông
1	Khám bệnh ngoại trú				
2	Điều trị ngoại trú				
3	Lĩnh thuốc theo hẹn				
4	Điều trị nội trú				
5	Điều trị ban ngày				
6	Khám chữa bệnh từ xa				
	Cộng				

2. Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị đề xuất (nếu có)

OK *4/5*

PHỤ LỤC 02:
ĐẶC TẢ DỮ LIỆU SỔ SỨC KHOẺ ĐIỆN TỬ VN-ID BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH 1332/QĐ-BYT
TRONG CHUẨN ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH 130/QĐ-BYT VÀ QUYẾT ĐỊNH 4750/QĐ-BYT
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2733/BYT-KCB ngày 17/ 9 /2024 của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh)

STT	Trường thông tin	Diễn giải	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	I. THÔNG TIN HÀNH CHÍNH							
	I.1. Thông tin định danh							
1	Họ và tên	Là họ và tên của người dân.	Bảng I : Chỉ tiêu lồng hợp	Khám bệnh, chữa bệnh	HO_TEN			
2	Ngày tháng năm sinh	Ghi ngày, tháng, năm sinh của người dân, gồm 12 ký tự, bao gồm: 04 ký tự năm + 02 ký tự tháng + 02 ký tự ngày + 02 ký tự giờ + 02 ký tự phút.	Bảng I : Chỉ tiêu lồng hợp	Khám bệnh, chữa bệnh	NGAY_SINH			
3	Giới tính	Là mã giới tính của người dân (1: Nam; 2: Nữ; 3: Chưa xác định).	Bảng I : Chỉ tiêu lồng hợp	Khám bệnh, chữa bệnh	GIOI_TINH			

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Bảng dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	MA_DANTOC	MA_QUOCTICH	MA_NGHE_NGHIEP	Trường bổ sung hoặc diễn giải
4	Dân tộc	Ghi mã dân tộc của người dân (thực hiện theo Danh mục các dân tộc Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 121- TCTK/PPCD ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê để điền chi tiết). Tra cứu mã dân tộc tại đường link: http://tongdiencuivietnamso.vn/danh-muc-cac-dan-toc-viet-nam.html	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh				
5	Quốc tịch	Ghi mã quốc tịch của người dân theo quy định tại Phụ lục 2 Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01 tháng 2 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công an.	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_QUOCTICH			
6	Nghề nghiệp	Ghi mã nghề nghiệp của người dân. Thực hiện ghi mã nghề nghiệp theo quy định tại Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tra cứu mã nghề nghiệp tại đường link: https://luaivietnam.vn/lao-dong/quyet-dinh-34-2020-qd-ttg-danh-muc-nghe-nghiep-viet-nam-194623-dl.html	Bảng 1: Chi tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh		MA_NGHE_NGHIEP		

OK

LS

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Bảng dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường bổ sung hoặc diễn giải
7	Số định danh cá nhân / Số thẻ Căn cước	Ghi số căn cước công dân hoặc số chứng minh thư nhân dân hoặc số hộ chiếu của người dân. Trường hợp không có số căn cước công dân hoặc số chứng minh thư nhân dân hoặc số hộ chiếu thì sử dụng mã tài khoản định danh điện tử.	Bảng I: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	SO_CCCD	
8	Mã số thẻ BHYT	Ghi mã thẻ BHYT của người dân do cơ quan BHXH cấp.	Bảng I: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_THE_BHYT	
9	Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu	Ghi mã cơ sở KCB nơi người dân đăng ký ban đầu ghi trên thẻ BHYT, gồm có 05 ký tự.	Bảng I: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_DKBD	
10	Số điện thoại liên hệ	Ghi số điện thoại liên lạc của người dân hoặc của thân nhân người dân. Trường thông tin này chỉ ghi khi người dân cung cấp.	Bảng I: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	DIEN_THOAI	
1a	Nơi cư trú hiện tại: thôn xóm, số nhà, đường phố ...	Ghi địa chỉ nơi cư trú hiện tại của người dân.	Bảng I: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	DIA_CHI	

4/16

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Bảng dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường bổ sung hoặc diễn giải
11b	Nơi cư trú hiện tại: tỉnh, thành phố	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi cư trú hiện tại của người dân. Ghi theo 02 ký tự cuối của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người dân cư trú (Quy định tại Phụ lục I Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01 tháng 2 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công an).	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MATINH_CU_TRU	
11c	Nơi cư trú hiện tại: huyện, quận, thị xã	Mã đơn vị hành chính cấp huyện nơi cư trú hiện tại của người dân. Ghi mã đơn vị hành chính cấp huyện theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục mã đơn vị hành chính.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MAHUYEN_CU_TRU	
11d	Nơi cư trú hiện tại: xã, phường, thị trấn	Mã đơn vị hành chính cấp xã nơi cư trú hiện tại của người dân. Ghi mã đơn vị hành chính cấp xã theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục mã đơn vị hành chính.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MAXA_CU_TRU	
	1.3. Thông tin người giám hộ, người chăm sóc chính, người đại diện (nếu có)				Phối hợp với C06 để thông nhất phương án xử lý, từ VNeID của người giám hộ, người chăm sóc, hoặc người đại diện chính

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Bảng dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường bổ sung hoặc diễn giải
12	Họ và tên				X
13	Mối quan hệ				X
14	Số định danh công dân, thẻ căn cước				X
15	Số điện thoại liên hệ của người đại diện				X
	II. TIỀN SỬ	Tổng hợp kết quả khám chữa bệnh ở mức III. THÔNG TIN ĐÓT KHÂM CHỮA BỆNH			
16	Ngày khám bệnh, ngày ra viện	Hiện thị dạng text định dạng ngày vào ngày ra định dạng ddMMyyyy HH:ss - ddMMyyyy HH:ss	Bảng I: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	NGAY_VAO - NGAY_RA	
17a	Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Ghi mã cơ sở KBCB nơi người dân đến khám bệnh, điều trị do cơ quan có thẩm quyền cấp.	Bảng I: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_CSKCB	
17b	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Ghi tên cơ sở KBCB nơi người dân đến khám bệnh, điều trị do cơ quan có thẩm quyền cấp.	Bảng I: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	Phiên từ MA_CSKCB ra tên CSKCB từ CSDL tên CSKCB của BHXH Việt Nam	
18	Chẩn đoán xác định khi ra viện	Ghi đầy đủ chẩn đoán xác định bệnh chính, bệnh kèm theo và/hoặc các triệu chứng hoặc hội chứng, được bác sỹ ghi trong hồ sơ KBCB tại thời điểm kết thúc KBCB đối với người dân. thực KBCB đối với người dân.	Bảng I: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	CHAN_DOAN_RV	

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Bảng dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường bổ sung hoặc diễn giải
19a	Mã bệnh theo ICD-10	Nếu nhiều mã thì mỗi mã cách nhau bằng dấu “;” và mã đầu tiên luôn là mã bệnh chính.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_BENH_CHINH; MA_BENH_KT; MA_BENH_YHCT	Bổ sung nhóm mã Tiêm vắc-xin / mũi tiêm vào mã chẩn đoán để hiện thị Tiền sử tiêm chủng
19b	Tên bệnh theo ICD-10	Tên bệnh phân biệt giữa mã và tên bệnh bằng dấu “-”, nếu nhiều mã thì mỗi mã cách nhau bằng dấu “;” và mã đầu tiên luôn là mã bệnh chính.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	Phiên MA_BENH_CHINH; MA_BENH_KT; MA_BENH_YHC từ danh mục bệnh của BHXH Việt Nam ra tên bệnh; với tên bệnh chính là bệnh đầu tiên	
	III. THÔNG TIN ĐÓT KHÂM CHỮA BỆNH				
	3.1. Thông tin đợt khám, chữa bệnh				
20a	Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người dân khám và điều trị	Ghi mã cơ sở KBCB nơi người dân đến khám bệnh, điều trị do cơ quan có thẩm quyền cấp.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_CSKCB	
20b	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người dân khám và điều trị	Ghi Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người dân khám và điều trị.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	Phiên từ MA_CSKCB ra tên CSKCB từ CSDL tên CSKCB của BHXH Việt Nam	



STT	Trưởng thông tin	Diễn giải	Bảng dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trưởng dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trưởng bổ sung hoặc diễn giải
21a	Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã chuyển người dân đi (nếu có)	Ghi mã cơ sở KBCB nơi chuyển người dân do cơ quan có thẩm quyền cấp. Ghi thông tin trong trường hợp chuyển tuyến khám chữa bệnh hoặc người dân đến khám lại theo giấy hẹn quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư 30/2020/TT-BYT hoặc lĩnh thuộc tại TYT xã theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 14 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_NOI_DI	
21b	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã chuyển người dân đi (nếu có)	Ghi tên cơ sở KBCB nơi chuyển người dân do cơ quan có thẩm quyền cấp. Ghi thông tin trong trường hợp chuyển tuyến khám chữa bệnh hoặc người dân đến khám lại theo giấy hẹn quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư 30/2020/TT-BYT hoặc lĩnh thuộc tại TYT xã theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 14 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	Phiên từ MA_NOI_DI ra tên CSKCB từ CSDL tên CSKCB của BHXH Việt Nam	
22	Lý do đến khám bệnh, chữa bệnh	Ghi lý do đến KBCB của người dân;	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	LY_DO_VV	
23	Loại hình khám bệnh, chữa bệnh	Ghi mã hình thức KBCB theo Bộ mã DMDC do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_LOAI_KCB	
24	Ngày giờ vào viện, đến khám	Ghi thời điểm người dân đến KBCB, gồm 12 ký tự, theo định dạng yyyymmddHHMM	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	NGAY_VAO	



STT	Trường thông tin	Diễn giải	Bảng dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	TRƯỜNG DỮ LIỆU 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường bổ sung hoặc diễn giải
25	Ngày giờ ra viện (kết thúc đợt điều trị)	Ghi thời điểm người dân kết thúc điều trị nội trú, kết thúc điều trị nội trú ban ngày, kết thúc điều trị ngoại trú hoặc kết thúc khám bệnh, gồm 12 ký tự theo định dạng yyyymmddHHMM	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	NGAY_RA	
26	Kết quả điều trị	Ghi mã kết quả điều trị, trong đó: - Mã "1": Khỏi; - Mã "2": Đợt; - Mã "3": Không thay đổi; - Mã "4": Nâng hơn; - Mã "5": Từ vong; - Mã "6": Tiên lượng nặng xin về; - Mã "7": Chưa xác định (không thuộc một trong các mã kết quả điều trị nêu trên).	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	KET_QUA_DTRI	
27	Tình trạng ra viện	Ghi mã loại ra viện, trong đó: - Mã "1": Ra viện; - Mã "2": Chuyển tuyến theo yêu cầu chuyên môn; - Mã "3": Trốn viện; - Mã "4": Xin ra viện; - Mã "5": Chuyển tuyến theo yêu cầu người dân.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_LOAI_RV	
28a	Mã cơ sở KCB nơi chuyển người bệnh đến do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có)	Ghi mã cơ sở KCB nơi chuyển người dân đến do cơ quan có thẩm quyền cấp.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_NOI_DEN	

47
gk

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Bảng dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường bổ sung hoặc diễn giải
28b	Tên cơ sở KCB nơi chuyển người dân đến (nếu có)	Ghi tên cơ sở KCB nơi chuyển người dân đến do cơ quan có thẩm quyền cấp.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	Phiên từ MA_NOI_DEN ra tên CSKCB từ CSDL tên CSKCB của BHXH Việt Nam	
29	Chẩn đoán xác định khi ra viện	Ghi đầy đủ chẩn đoán xác định, gồm: bệnh chính, biến chứng, bệnh kèm theo, nguyên nhân hoặc nếu không có chẩn đoán bệnh thì ghi các triệu chứng, hoặc rối loạn, bất thường của người bệnh.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	CHAN_DOAN_RV	
30a	Mã bệnh theo ICD-10	Nếu nhiều mã thì mỗi mã cách nhau bằng dấu “;” và mã đầu tiên luôn là mã bệnh chính.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	MA_BENH_CHINH; MA_BENH_KT; MA_BENH_YHCT	
30b	Tên bệnh theo ICD-10	Tên bệnh phân biệt giữa mã và tên bệnh bằng dấu “-”, nếu nhiều mã thì mỗi mã cách nhau bằng dấu “;” và mã đầu tiên luôn là mã bệnh chính.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	Phiên MA_BENH_CHINH; MA_BENH_KT; MA_BENH_YHC từ danh mục bệnh của BHXH Việt Nam ra tên bệnh; với tên bệnh chính là bệnh đầu tiên	
31	Ghi chú (bổ sung các thông tin nếu cần thiết)	Ghi lời dẫn của bác sĩ hoặc nhân viên y tế đối với người dân sau khi kết thúc lần KRCB.	Bảng 1: Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	GHI_CHU	

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Bảng dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường bổ sung hoặc diễn giải
	3.3. Kết quả cận lâm sàng, chỉ số theo dõi có giá trị				
32a	Mã nhóm cận lâm sàng, chỉ số theo dõi	Ghi mã nhóm theo chi phí, dùng để phân loại, sắp xếp các chi phí vào các nhóm, ghi theo Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 5937/QĐ-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hoặc quyết định tương đương thay thế.	Bảng 3. Chi tiêu chi tiết dịch vụ kỹ thuật và vật tư y tế	MA_NHOM	
32b	Nhóm cận lâm sàng, chỉ số theo dõi		Bảng 3. Chi tiêu chi tiết dịch vụ kỹ thuật và vật tư y tế	Phiên MA_NHOM sang tên Nhóm	
33a	Mã cận lâm sàng, chỉ số theo dõi	Ghi mã dịch vụ kỹ thuật hoặc mã tiền khám hoặc mã tiền giường bệnh theo mã DMDIC do Bộ Y tế ban hành.	Bảng 3. Chi tiêu chi tiết dịch vụ kỹ thuật và vật tư y tế	MA_DICH_VU	
33b	Tên cận lâm sàng, chỉ số theo dõi	Ghi tên dịch vụ kỹ thuật hoặc tên dịch vụ khám bệnh hoặc tên giường bệnh để nghỉ quý BHYT thanh toán.	Bảng 3. Chi tiêu chi tiết dịch vụ kỹ thuật và vật tư y tế	TEN_DICH_VU	
34a	Mã chi số cận lâm sàng, chỉ số theo dõi chi tiết	Ghi Mã chi số cận lâm sàng, chỉ số theo dõi chi tiết.	Bảng 4. Chi tiêu chi tiết dịch vụ cận lâm sàng	MA_CHI_SO	
34b	Tên chi số cận lâm sàng, chỉ số theo dõi chi tiết	Ghi Tên chi số cận lâm sàng, chỉ số theo dõi chi tiết.	Bảng 4. Chi tiêu chi tiết dịch vụ cận lâm sàng	Phiên MA_CHI_SO sang tên Chi số	



STT	Trường thông tin	Diễn giải	Bảng dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường bổ sung hoặc diễn giải
35	Kết quả	Ghi giá trị chỉ số.	Bảng 4. Chỉ tiêu chi tiết dịch vụ cận lâm sàng	GIA_TRI	
36	Kết luận	Ghi các kết luận của người đọc kết quả.	Bảng 4. Chỉ tiêu chi tiết dịch vụ cận lâm sàng	KET_LUAN	
37	Ngày giờ thực hiện	Ghi thời điểm có kết quả cận lâm sàng; gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyymmddHHMM, trong đó: 04 ký tự năm (yyyy) + 02 ký tự tháng (mm) + 02 ký tự ngày (dd) + 02 ký tự giờ, tính theo 24 giờ (HH) + 02 ký tự phút (MM).	Bảng 4. Chỉ tiêu chi tiết dịch vụ cận lâm sàng	NGAY_KQ	
38	Liên kết đến kết quả cận lâm sàng trên hệ thống khác	Bổ sung link Pacs hoặc link xét nghiệm.	Bảng 3. Chỉ tiêu chi tiết dịch vụ kỹ thuật và vật tư y tế	LINK_PACS	x
39a	Mã thuộc điều trị	Ghi mã hoạt chất theo quy định tại Bộ mã danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành.	Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc	MA_THUOC	
	3.4. Thuộc dữ liệu trị, đơn đã kê				

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Bảng dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Tên thuốc, hàm lượng	Đơn vị tính	Đường dùng	Số lượng
39b		Ghi tên thuốc theo đúng tên thuốc được Cục Quản lý Dược hoặc Cục Quản lý Y, được có truyền cấp số đăng ký. Trường hợp hợp thuốc do cơ sở KBCB tự bào chế, chế biến thì ghi tên thuốc tự bào chế, chế biến người đứng đầu theo đúng hồ sơ được người đứng đầu cơ sở KBCB phê duyệt + Ghi hàm lượng của thuốc theo kết quả trung gian (Ghi đúng hàm lượng của thuốc được Cục Quản lý Dược hoặc Cục Quản lý Y, được có truyền cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc hàm lượng điều chỉnh theo văn bản của Cục Quản lý Dược hoặc Cục Quản lý Y, được có truyền hoặc do cơ sở KBCB tự bào chế).	Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc	TÊN THUỐC, HÀM LƯỢNG	Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc	Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc	Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc
39c	Đơn vị tính	Ghi đơn vị tính nhỏ nhất, đơn vị tính của thuốc thực tế sử dụng cho người dân.	Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc	DON_VI_TINH		Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc	Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc
39d	Đường dùng	Ghi mã đường dùng tương ứng với đường dùng của thuốc theo thông tin được Cục Quản lý Dược hoặc Cục Quản lý Y, được có truyền cấp giấy đăng ký lưu hành.	Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc	DUONG_DUNG		Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc	Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc
39e	Số lượng	Ghi số lượng thuốc thực tế sử dụng cho người dân, làm tròn số đến 3 chữ số thập phân. Sử dụng dấu chấm “.” để phân cách giữa số Nguyên (hàng đơn vị) với số thập phân đầu tiên.	Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc	SO_LUONG		Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc	Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc

Handwritten signature and initials.

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Bảng dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường bổ sung hoặc diễn giải
39g	Liều dùng	Ghi liều dùng thuốc cho người dân, cụ thể: - Đối với ngoại trú, được kê hệ hiện bảng: số lượng thuốc dùng trong một lần sử dụng * số lần trong ngày * số ngày sử dụng [tổng số thuốc/ngày]. - Đối với nội trú, được kê hệ hiện bảng: số lượng thuốc dùng trong một lần sử dụng * số lần trong ngày * 01 ngày [tổng số thuốc/ngày]. Vi dụ: liều dùng của thuốc A: 2 viên/lần, 2 lần/ngày, sử dụng trong 5 ngày thì được ghi như sau: 2 viên/lần * 2 lần/ngày * 5 ngày [4 viên/ngày]. - Đối với nội trú, được kê hệ hiện bảng: số lượng thuốc dùng trong một lần sử dụng * số lần trong ngày * số ngày [tổng số thuốc/ngày].	Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc	LIEU_DUNG	
39h	Cách dùng	Ghi lời dẫn của thầy thuốc trên đơn thuốc hoặc y lệnh.	Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc	CACH_DUNG	
	3.5. Phần thuật, thủ thuật đã thực hiện				
40a	Mã phẫu thuật, thủ thuật	Mã phẫu thuật, hoặc thủ thuật từ loại 3 trở lên	Bảng 3. Chỉ tiêu chi tiết dịch vụ kỹ thuật và vật tư y tế	MA_DICH_VU	Lấy dịch vụ có MA_NHOM = 8 hoặc MA_NHOM = 18
40b	Tên phẫu thuật, thủ thuật	Tên phẫu thuật, hoặc thủ thuật từ loại 3 trở lên	Bảng 3. Chỉ tiêu chi tiết dịch vụ kỹ thuật và vật tư y tế	TEN_DICH_VU	
	3.6 Tóm tắt quá trình điều trị, tình trạng người bệnh				

STT	Trường thông tin	Diễn giải	Bảng dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trường dữ liệu 130/QĐ-BYT, 4750/QĐ-BYT	Trưởng bổ sung hoặc diễn giải
41	Tóm tắt tiền sử, bệnh sử và diễn biến lâm sàng	Tóm tắt tiền sử, bệnh sử và tình trạng lúc vào viện, diễn biến lâm sàng đặc biệt trong quá trình điều trị, kết quả điều trị, tình trạng đáp ứng. Chú ý các tình trạng đặc biệt: dị ứng, không đáp ứng điều trị, các biến chứng hoặc vấn đề phát sinh.	Bảng 8. Chỉ tiêu dữ liệu tóm tắt hồ sơ bệnh án	QT_BENHLY	
42	Tóm tắt kết quả cận lâm sàng có giá trị	Tóm tắt kết quả cận lâm sàng quan trọng có giá trị chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, điều trị, theo dõi, tiến lượng, chăm sóc.	Bảng 8. Chỉ tiêu dữ liệu tóm tắt hồ sơ bệnh án	TOMTAT_KQ	
43	Tóm tắt phương pháp điều trị đã thực hiện	Tóm tắt phương pháp điều trị đã thực hiện, tóm tắt đường trình phẫu thuật nội, tóm tắt các trường hợp có cắt, lấy bỏ một phần hoặc toàn bộ cơ quan, cấu trúc giải phẫu, các biến chứng về phẫu thuật, nội thuật (nếu có).	Bảng 8. Chỉ tiêu dữ liệu tóm tắt hồ sơ bệnh án	PP_DIEUTRI	
44	Hướng điều trị tiếp theo, kế đơn, lời dặn, lịch tái khám	Hướng điều trị tiếp theo, kế đơn, lời dặn, lịch tái khám, hướng dẫn cụ thể về việc chăm sóc sau khi xuất viện, bao gồm chế độ ăn uống, nghỉ ngơi, bài tập thể dục hoặc các biện pháp tự chăm sóc khác.	Bảng 1. Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	GHI_CHU và NGAY_TAI_KHAM	
45	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ điều trị bệnh chính	Bảng 1. Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	BAC_SI_DTRI	x
46	Số điện thoại liên hệ của bác sĩ (nếu có)	Số điện thoại liên hệ của bác sĩ (nếu có) để bệnh nhân hoặc gia đình có thể liên hệ nếu cần hỗ trợ hoặc tư vấn.	Bảng 1. Chỉ tiêu tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh	DIEN_THOAI_BAC_SI	x

Ghi chú: Dấu "x" ở Cột (6) có nghĩa là dữ liệu chưa có trong chuẩn dữ liệu ban hành kèm theo Quyết định 130/QĐ-BYT và Quyết định 4750/QĐ-BYT.